

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 99/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2451/2019/QĐXXST-HNGĐ **ngày 17 tháng 6 năm 2019** giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị T, nơi ĐKKHTT: Tổ 2, phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: 5F-502, 4, DM, in cheon, Korea (Hàn Quốc);

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn C, nơi cư trú: Tổ 2, phường HT, quận DK, thành phố Hải Phòng;

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Văn C trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa P và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Đạo, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Hưng Đạo, quận DK) vào ngày 09 tháng 01 năm 1989. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ việc chị đi sang giúp gia đình con gái ở Hàn Quốc, từ đó vợ chồng đã có Nều

bất đồng quan điểm cả về vấn đề kinh tế gia đình và tình cảm. Chị đã tìm Nêu giải pháp để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, song không có kết quả do vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng, hiện tại chị đang sinh sống tại Hàn Quốc còn anh C đang sinh sống tại Việt Nam, vợ chồng không liên lạc và cũng không ai quan tâm và trách Nệm đến ai nữa. Nay, chị các định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 3 con chung là Bùi Thị Thùy L, sinh ngày 06/8/1990, Bùi Minh P, sinh ngày 28/01/1995 và Bùi Thị Yến N, sinh ngày 09/01/2008. Ly hôn, chị T có quan điểm: Các con chung L và P đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, sức khỏe các cháu bình thường nên tự quyết định cuộc sống của mình. Đối với con chung Bùi Thị Yến N, chị có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung: Chị Đào Thị T có quan điểm chị và anh C phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản gửi Tòa án, anh Bùi Văn C trình bày:

Anh thống nhất với chị Đào Thị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Anh Bùi Văn C xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, do vậy anh có quan điểm đồng ý với yêu cầu xin ly hôn mà chị T đưa ra, đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị T được ly hôn.

Về con chung: Anh Bùi Văn C thống nhất lời khai với chị T về việc vợ chồng có ba con chung như chị T đã khai và đồng ý quan điểm về nuôi con chung mà chị T đưa ra. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Bùi Văn C thống nhất quan điểm với chị T về việc anh và chị T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự ; bị đơn anh Bùi Văn C đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bảo đảm cho đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng trình bày về yêu cầu, đề nghị của mình và chứng cứ chứng minh đó là có căn cứ và hợp pháp. Tòa án nhân dân thành phố Hải

Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Đào Thị T kết hôn với anh Bùi Văn C trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Đạo, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Hưng Đạo, quận DK) vào ngày 09 tháng 01 năm 1989 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh C và chị T đã kéo dài và trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và anh C. Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị Yến N, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do anh C và T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị T và anh C có quan điểm tự giải quyết về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án phân chia nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Chị Đào Thị T hiện đang sinh sống ở nước ngoài, anh Bùi Văn C sinh sống ở thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đào Thị T và anh Bùi Văn C đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T kết hôn với anh Bùi Văn C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Đạo, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (nay là phường Hưng Đạo, quận DK) vào ngày 09 tháng 01 năm 1989 theo quy định tại Điều 9; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2010, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân từ khi chị T đi sang giúp gia đình con gái ở Hàn Quốc nên dẫn đến vợ chồng có Nền bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình và tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài, không quan tâm đến nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc

sống chung không thể kéo dài, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị Đào Thị T và anh Bùi Văn C có 3 con chung là Bùi Thị Thùy L, sinh ngày 06/8/1990, Bùi Minh P, sinh ngày 28/01/1995 và Bùi Thị Yến N, sinh ngày 09/01/2008. Các con chung L và P đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường, do vậy không xem xét trách Nệm nuôi dưỡng các con chung L, P đối với chị T và anh C. Đối với con chung Bùi Thị Yến N, hai bên đương sự thỏa thuận: Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Yến N, việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, thỏa thuận về việc nuôi con của chị T và anh C là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung Bùi Thị Yến N nên cần được chấp nhận.

Mặt khác xét thấy, cháu N có nguyện vọng ở với mẹ và gia đình chị T có đề nghị chị T trực tiếp nuôi cháu N. Thỏa thuận về việc nuôi con chung của chị Đào Thị T và anh Bùi Văn C không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh chị tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị T và anh Bùi Văn C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn anh Bùi Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị Yến N, sinh ngày 09/01/2008 cho chị Đào Thị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đào Thị T và anh Bùi Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh chị tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0001830 ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đào Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn C (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Chị Đào Thị T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Hưng Đạo, quận DK, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

